

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-PT

Ngày 26-10-2018

V/v “*Kiện đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Nhung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Từ Thị Hải Dương

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 11/2018/TLPT-DS ngày 06/8/2018 về việc “*Kiện đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 721/2018/QĐ-PT ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tiểu khu 11, Thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quý H, sinh năm 1982, địa chỉ: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (theo giấy ủy quyền ngày 05/12/2017), có mặt.

*Bị đơn:* Ông Lê Thế L, bà Nguyễn Thị X

Địa chỉ: Tiểu khu 12, Thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Xuân D.

Địa chỉ: Tiểu khu 11, Thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Quý H, sinh năm 1982, theo giấy ủy quyền 5/12/2017, chị H có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch thì nội dung vụ án như sau:*

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2015 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Quý H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Lê Thế L, bà Nguyễn Thị X có vay nợ của bà Lê Thị H số tiền 54.080.000 đồng, cụ thể: Ngày 27/12/1995 vay 10.000.000 đồng; Ngày 15/3/1996 lấy thóc quy ra bằng tiền là 19.000.000 đồng; Ngày 15/5/1996 vay 2.600.000 đồng; Ngày 28/5/1996 vay 2.800.000 đồng; Ngày 30/5/1996 vay 7.680.000 đồng; Ngày 27/11/1996 vay 4.000.000 đồng; Ngày 05/12/1996 vay 2.000.000 đồng; Ngày 05/02/1997 vay 6.000.000 đồng.

Từ thời gian vay đến nay đã hơn 20 năm, sau nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng bà X, ông L không trả tiền nên bà H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông L, bà X phải trả lại số tiền 54.080.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Lê Thế L trình bày:* Ông thừa nhận ngày trước có vay mượn tiền của bà Lê Thị H. Số tiền vay nợ bà H tổng cộng hai đợt là 6.000.000 đồng: vào đợt 1 ngày 27/11/1996 là 4.000.000 đồng, đợt 2 ngày 05/12/1996 là 2.000.000 đồng, còn các khoản vay nợ khác ông đều không thừa nhận. Ngoài ra vào năm 1997, bà H có đến xiết nợ một số tài sản của gia đình ông có giá trị tương đương với số tiền ông nợ bà H, ông đã làm đơn tố giác đến cơ quan Công an thị trấn Hoàn Lão và Công an huyện Bố Trạch, tuy nhiên thời điểm cụ thể gửi đơn thì ông không nhớ.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:* Bà không thừa nhận các khoản vay mà nguyên đơn cho rằng bà đứng ra vay nợ bà H vào: ngày 15/5/1996 vay 2.600.000 đồng; ngày 28/5/1996 vay 2.800.000 đồng; ngày 30/5/1996 vay 7.680.000 đồng. Vì mọi việc trong nhà do chồng bà quán xuyến, quyết định, liên quan đến tiền bạc và quan hệ hầu như bà không biết, bà chỉ lo nội trợ và buôn bán. Bà không vay nợ tiền bà H, không phải là người viết ra các giấy khất nợ ngày 15/5/1996; 28/5/1996; 30/5/1996.

Vụ án này đã được Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DSST ngày 10/9/2015, quyết định: “*Buộc vợ chồng ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X trả nợ cho bà Lê Thị H số tiền gốc là 54.000.000 đồng...*”.

Ngày 31/5/2016 ông Lê Thế L, bà Nguyễn Thị X nộp đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 22/8/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 69/2017/KN-DS đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 112/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2015/DSST ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/TCDS – ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch quyết định:

Căn cứ các Điều 8, Điều 11, Điều 105, Điều 166, Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 468 và Điều 668 Bộ luật dân sự 2015:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

- Buộc ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X liên đới trả lại cho bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân D số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

- Bác yêu cầu của bà Lê Thị H yêu cầu ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X trả lại số tiền 32.080.000 đồng (ba mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H phải chịu 5.500.000 đồng tiền chi phí giám định tài liệu, chứng cứ. Bà H đã nộp đủ.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, các Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Lê Thị H phải chịu 1.604.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Buộc ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X phải chịu 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2018, Ông Lê Thế L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch vì thực tế ông Lê Thế L chỉ nợ bà Lê Thị H 6.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Thế L phải trả cho bà Lê Thị H 22.000.000 đồng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Lê Thế L, bà Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn để buộc bị đơn trả khoản tiền 6.000.000 đồng cho nguyên đơn theo giấy vay nợ ngày 5 tháng 12 năm 1996.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26 tháng 6 năm 2018 phía nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ông Nguyễn Xuân D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã chết vì bệnh hiểm nghèo. Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì đương sự trong vụ án là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng. Trong trường hợp này cấp sơ thẩm phải xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ

tổ tụng là vợ và các con của ông D, nhưng cấp sơ thẩm chưa bổ sung tư cách tham gia tố tụng, đây được coi là có vi phạm về thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách vì thực tế ông Lê Thế L chỉ nợ bà Lê Thị H 6.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Thế L phải trả cho bà Lê Thị H 22.000.000 đồng là không đúng, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Từ năm 1995 đến năm 1997, vợ chồng ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X có quan hệ làm ăn với nhau. Trong quá trình làm ăn, vợ chồng ông L có lấy hàng hóa đi bán hoặc đưa về sử dụng sau đó thanh toán tiền gốc cho chủ hàng. Do các bên tranh chấp nên bà H khởi kiện vợ chồng ông L bà X tại Tòa án. Theo nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ông Lê Thế L bà Nguyễn Thị X phải trả 08 khoản vay tại 05 giấy ghi nợ với tổng số nợ gốc 54.080.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc vợ chồng ông Lê Thế L, và Nguyễn Thị X L đổi trả lại cho bà Lê Thị H, ông Nguyễn Xuân D 22.000.000 đồng. Bị đơn ông Lê Thế L, bà Nguyễn Thị X kháng cáo chỉ thừa nhận nợ bà Lê Thị H 6.000.000 đồng, theo các nội dung trên thì thấy rằng:

+ Tại giấy ghi nợ ngày 27/12/1995 (BL18) có nội dung : *“Tôi là Lê Thế L và Nguyễn Thị X chở chuyển hàng đi con tum. Hiện tại còn nợ 10.000.000đ, hẹn đến ngày 27/9/1996 (AL) tôi sẽ trả vốn”*. Về tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp, thì thấy đây là bản phô tô, trong nội dung có thể hiện là nợ 10.000.000 đồng, nhưng không rõ nợ ai? Về phía ông L cũng không thừa nhận là có nợ bà H số tiền này, do đó khoản tiền này án sơ thẩm buộc ông L phải trả cho bà H là không có căn cứ.

+ Đối với giấy tờ ghi nợ mà theo nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là do bà Nguyễn Thị X (vợ ông L) tự viết tại “Giấy khất nợ” ngày 28/5/1996 (BL 19) có sửa chữa ngày nhưng không có chữ ký của ông L, bà X; Tại “Giấy khất nợ” ngày 30/5/1996 (BL20). Tòa án sơ thẩm đã trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Bình chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị X trong giấy vay tiền ngày 28/5/1996 và 30/5/1996. Theo Kết luận giám định số 237/PC54(GĐ) ngày 07/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là chữ viết được làm bằng phương pháp sao in. HĐXX thấy rằng các tài liệu này không phải là bản chính, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các khoản vay tại “Giấy khất nợ” ngày 28/5/1996 và “Giấy khất nợ” ngày 30/5/1996 là có cơ sở.

+ Đối với hai giấy, gồm: *“Giấy vay tiền”* ngày 05/12/1996 (BL 21) có nội dung: *“Tôi Lê Thế L có vay anh D số tiền đợt 1 ngày 27/11/1996 là 4.000.000 đồng, đợt hai ngày 05/12/1996 là 2.000.000 đồng, cả hai đợt 6.000.000 đồng đến ngày 08/12/1996, tôi L sẽ hoàn trả cả vốn và lãi. Nếu không hoàn đủ anh D sẽ thu nhà đất”*.

+ Đối với giấy *“Giấy khất nợ”* ngày 05/2/1997 (BL 22) có nội dung: *“Tôi tên Lê Thế L làm lò ấp trứng ở TK 12, TT Hoàn Lão có vay của anh D số tiền 6.000.000 đ. Hẹn đến ngày 15/2/1997 (âm lịch) sẽ trả đủ sáu triệu trên, còn*

*số nợ cũ năm 1995 tôi sẽ xin hoàn lại vốn dần. Nếu sai hẹn tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật”.*

Theo nội dung của hai Giấy vay tiền này là khoản vay giữa ông L và ông D, trong khi đó bà H làm đơn khởi kiện, đưa ra gồm 8 loại tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thì có giấy khất nợ ngày 28/5/1996, nội dung “ *có lấy thóc của chị H... tổng cộng các lần là 24.400.000 đồng...*”, và giấy khất nợ 30/5/1996 vay nợ bà H. Hai tài liệu chứng cứ này đã được trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình giám định chữ viết. Tại kết quả giám định số 237/PC54(GĐ) ngày 07/3/2018 kết luận *là chữ viết được làm bằng phương pháp sao in*, không giám định được, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận giấy khất nợ này là có căn cứ.

Đối với các giấy vay và giấy tờ liên quan đến khất nợ khác chủ yếu là vay và khất nợ ông Nguyễn Xuân D. Theo như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, thì quan hệ giao dịch được xác lập giữa người vay, người khất nợ là ông Nguyễn Xuân D và ông Lê Thế L, do vậy mà tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/6/2018 đã thể hiện “*...nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày hiện nay ông Nguyễn Xuân D đã chết do bệnh hiểm nghèo*”. Với các tình tiết mới mà nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền đã trình bày tại phiên tòa, lẽ ra cấp sơ thẩm tạm ngừng phiên tòa để xác minh những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là vợ và các con của ông D để bổ sung người tham gia tố tụng nghe ý kiến của họ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không tạm ngừng phiên tòa mà vẫn xác định ông Nguyễn Xuân D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Quý Hà, trong khi đó sổ hộ khẩu gia đình mà nguyên đơn xuất trình thì ông D có các con gồm Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Chí S. Mặc dù có sự vi phạm trên, nhưng về phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm xin rút đơn khởi kiện để khởi kiện lại khi có sự tham gia đầy đủ của những người kế thừa là vợ và các con của họ trong vụ án. Việc rút đơn của nguyên đơn cũng không được bị đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận (điểm a Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2.2] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng năm 1997 bà Lê Thị H thuê người đến xiết nợ tài sản của gia đình ông, ông đã làm đơn tố giác đến cơ quan Công an thị trấn Hoàn Lão và Công an huyện Bố Trạch. HĐXX xét thấy: Ngày 16/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch có công văn số 2818/TAND gửi Công an huyện Bố Trạch về việc xác minh thông tin liên quan đến việc khiếu tố của bà Nguyễn Thị X nhưng không có kết quả. Hơn nữa, bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, nhưng sự vi phạm này được người khởi kiện xin rút đơn như đã phân tích ở trên, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, mà nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Vì vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn để sửa bản án sơ thẩm, đồng thời dành quyền khởi kiện cho các người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Xuân D (đã chết) khởi kiện thành một vụ án khác tại Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Ông Lê Thế L kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thế L, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 8, Điều 11, Điều 105, Điều 166, Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 468 và Điều 668 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc: Buộc ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X liên đới trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 54.080.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị H phải chịu 2.704.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Thế L và bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002881, ngày 20/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trách.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P 9);
- TAND huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Võ Thị Kim Nhung**